

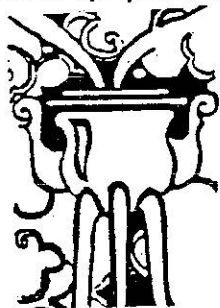
Việt Nam “độc lập” năm 1945 đánh dấu bằng Một bài Văn truy điệu đáng ghi nhớ



45 năm trước đây (1945), tôi có dự buổi lễ truy điệu chiến sĩ trận vong nói trên, tại Phú Văn Lâu, Huế. Đồng bào tham dự rất đông để mừng ngày “nước Việt Nam độc lập”. Đúng như ông Hồng Thủy nói, bài văn tế rất hùng hồn, đọc đúng điệu văn tế, rất cảm động, khiến nhiều người rơi lệ.

Xin được phép phổ biến tài liệu lịch sử và văn hóa này đến quý AH

Lê Khắc Thí



Đêm mùng 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật Bản ở Đông Dương đã lật đổ chính quyền Bảo Hộ Pháp ở Việt Nam trong một cuộc đảo chánh chớp nhoáng được người ta mệnh danh là “Cuộc đảo chánh Nhật”. Sau đó Nhật trao trả “độc lập” cho Việt Nam, và một nội các độc lập Việt Nam đầu tiên (kể từ khi Pháp đặt nền đô hộ lên Việt Nam) được thành lập, do cụ Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng.

Trong một cuộc mít tinh vi đại tổ chức thời bấy giờ tại bến Thương Bạc thành phố Huế để mừng “Việt Nam Độc Lập” và cũng là để truy điệu các nghĩa sĩ cách mạng hồi xưa và các chiến sĩ trận vong trong cuộc đảo chánh Nhật ngày 9 tháng 3, 1945, cụ Xuân Viên Ngô Phương Thảo đã đọc trước bàn thờ Tổ Quốc một bài văn tế rất hùng hồn, khiến cho các đồng bào ta có mặt trong buổi lễ phải cảm động đến rơi lệ.

Bài văn tế ấy do nhà văn kiêm thi sĩ Hoài Nam Nguyễn Trọng Cán soạn thảo (1). Đó là một áng văn chương kiệt tác, không thua gì bài “Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong” của ông Tống Trần Nguyễn Văn Thành đã sáng tác năm 1803 ở Thăng Long vào dịp truy điệu các

tướng lĩnh và binh sĩ đã bỏ mình trong khi giúp vua Gia Long bình được nhà Tây Sơn và thống nhất đất nước.

Ông Nguyễn Trọng Cán, bút hiệu là Hoài Nam, sinh năm 1900 tại tỉnh Quảng Bình (Trung Việt). Năm 1918, ông vào Huế dự kỳ thi khoa Mậu Ngọ rớt, rồi ở luôn Huế để sinh sống bằng nghề viết báo.

Năm 1927, ông làm chủ bút tạp chí “Thần Kinh”. Năm 1929, tạp chí này đình bản, ông về thôn quê làm thầy thuốc Bắc và dạy Hán tự cho những người yêu học văn hóa cổ truyền, nhưng thỉnh thoảng làm thơ và viết bài đăng báo.

Năm 1947, ông bị quân đội Pháp bắn chết trong một cuộc bố ráp ở thôn quê.

Ông đã soạn và xuất bản một tác phẩm có nhan đề “Tiếng Quốc Canh Khuya” năm 1937 ở Huế.

Đặc tính của ông: có trí nhớ dai, viết văn không bao giờ thảo, nghiện rượu nặng, cận thị nặng.

Vì các biến cố dồn dập xảy ra trên quê hương trong năm 1945, nên bài văn truy điệu của ông Hoài Nam Nguyễn Trọng Cán không được phổ biến sâu rộng trong nước, và do đó ít người biết đến. Vậy tôi tưởng cần phải ghi lại áng văn chương kiệt tác đó của ông Hoài Nam, với mục đích giữ lại cho nền văn hóa Việt Nam những áng văn hay, nhất là áng văn đó đã đánh dấu một biến cố lịch sử trọng đại của nước ta, đồng thời cũng là để nung nấu lòng yêu nước của đồng bào ta trong giai đoạn này.

Tuy sau khi lật đổ chính quyền Bảo Hộ Pháp, Nhật Bản đã long trọng tuyên bố trao trả “Độc Lập” lại cho nhân dân Việt Nam, nhưng trên thực tế, quân đội Nhật vẫn nắm giữ chính quyền ở nước ta và vẫn để cho thực dân Pháp điều hành các cơ quan hành chính như trước, thành thử thứ Độc Lập mà Nhật rêu rao trao trả cho Việt Nam chỉ là một cái bánh vẽ không hơn không kém.

Rồi đến ngày 19 tháng 8, 1945, Việt Minh cướp chính quyền, thành lập một chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa, khiến vua Bảo Đại phải thoái vị (ngày 25 tháng 8, 1945) và giải tán Nội Các Trần Trọng Kim. Thế là nền “Độc Lập bánh vẽ” mà Nhật trao trả cho vua Bảo Đại chấm dứt kể từ đó.

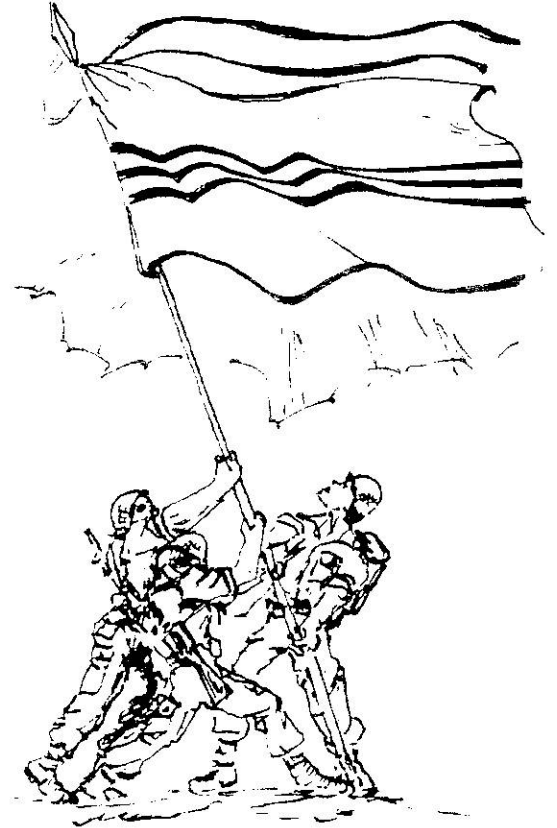
Dù sao thì ông Hoài Nam Nguyễn Trọng Cán, với bài văn truy điệu ghi lại ở trên, cũng đã đóng góp vào

nền Văn Hóa Việt Nam một áng văn chương kiệt tác mà chúng ta không thể không biết đến.

HƯƠNG THỦY

(trích tác phẩm “Việt Sử Tuyển Lựa”

của Hương Thủy, sắp xuất bản)



Bài văn truy điệu các nghĩa sĩ cách mạng hồi xưa và các nghĩa sĩ trận vong trong cuộc “Việt Nam Độc Lập” ngày 9-3-1945

“Hỡi anh em đồng bào ta ơi!

Bừng con mắt nhìn xem nước mới, “Việt Nam Độc Lập”, khắp ba Kỳ chung một ngọn cờ vàng, Chạnh tấm lòng sức nhớ ngày xưa, “chí sĩ hy sinh”, dưới chín tuổi biết bao người mệnh bạc.

Hồn Tổ Quốc bơ vơ trong trời đất, trở về đây mà nghe tiếng hoan hô.

Khí anh hùng hun đúc giữa non sông, quây quần lại mà ném mùi cộng lạc.

Các đấng tiên linh xưa:

Nhân cách hào hùng, Thiên tư lỗi lạc.

Giống Bách Việt đầu đen máu đỏ, trái Đĩnh, Lê qua Lý, Trần cho đến Hậu Lê, Hoàng, Nguyễn, phá quân Mường, bường giặc Mọi, dong ruổi rừng tên bãi đạn, đúc xương đồng mà chống đỡ non vàng.

Cối Viêm Bang rốn cắt nhau chôn, từ Bắc Hàn vào Thanh Nghệ lẫn vô Thuận Quảng, Đồng Nai, tuồng đất Lạp, đập thành Chiêm, xông pha nón gió toại mưa, phơi gan sắt mà lấp vùi bể bạc.

Giang sơn sinh tuấn kiệt đã đành,

Thời thế tạo anh hùng là khác.

Rong ngựa sắt Đống Thiên Vương phá giặc, khói anh linh mây phủ núi Trâu Sơn.

Phát khăn hồng Trưng Nữ Tướng hưng binh, gương tiết liệt trắng in hồn Lãng Bạc.

Dòng máu đỏ sông Bạch Đằng còn gọn, nào những trận phá Hán Ngô Vương Quyền, cầm Hồ Trần Hưng Đạo, oai danh kia muôn thuở vang lừng.

Đống xương tàn thành Long Đỗ còn xây, nào những trận bình Ngô Lê Thái Tổ, tảo Mãn Nguyễn Quang Trung, công đức ấy nghìn thu ghi tạc.

Huân lao lịch dai đã rõ ràng,

Sự nghiệp Quốc triều càng to tát.

Rưới mưa móc thấm miền Thuận Quảng, áo dầy com nặng, khúc Hoài Nam càng ngấm đức tài bồi.

Phách chông gai mở cõi Nam Kỳ, tấc đất ngọn rau, bia kỷ niệm vẫn ghi công khai thác.

Cơ đồ nhờ đó mà vững bền,

Tộc loại càng ngày thêm phát đạt.

Không may! Lòng trời đun dùi, cõi Á Đông gặp lúc chuân chuyên. Quả đất vẫn xoay, miền Nam Thổ vào hồi truy lạc.

Oai cường bạo như hùm beo có cánh, nào Đức nào Nga, nào Anh nào Pháp hăm hở mài nanh chuốt vuốt, rượt luồng mây mà nhả độc sài lang.

Phận yếu hèn như tôm tép không vảy, kìa Ba, kìa Ấn, kìa Diến, kìa Xiêm, rụng rời lạc vĩa xiêu hồn theo làn sóng mà vào hàm kinh ngạc.

Một tiếng súng nổ vang ngoài Thuận Hải, nước non nhà cùng chung kiếp điều linh.

Ba sắc cờ pháp phối giữa Hoàn Sơn, cây cỏ dù đã thấy màu xơ xác.

Chén thuốc độc ô hồ Phan Thanh Giản, đất Nam Kỳ sáu tỉnh tiêu hao.

Bát trà xuống kết liễu Nguyễn Tri Phương, thành Hà Nội bốn bề tan tác.

Tổng Đốc Diệu trải bao phen chống cự, hết lòng vì nước, quyết tồn vong thề với cỏ thành.

Phò Mã Lâm sau mấy trận xông pha, giữ tiết cùng cha, liều sinh tử phó cho đại bác.

Thảm thương vì vận nước ngựa nghiêng,

Xót xa bấy lòng người ngựa.

Đoàn ứng nghĩa cần vương ra đứng trước, nào Phan Đình Phùng, nào Hoàng Hoa Thám, len lỏi trong miền sơn cước, đạn vô tình cam thịt nát xương tan.

Đảng xuất dương Cách Mạng nối theo sau, nào Tăng Bạt Hổ, nào Phan Bội Châu, lênh đênh ngoài cõi trùng dương, thân vô định mặc bèo trôi sóng dạt.

Hươu ngọn bút kêu gào đất khách, đến chết không quên nước cũ, bên chùa Kim Lãnh, Nguyễn Thượng Hiền khi cốt vẫn thanh cao.

Ném quả bom rầm rộ què người, dù chưa giết được kẻ thù, trước mộ Hoàng Cương, Phạm Hồng Thái thanh danh còn hách trạc.

Xin sưu thuế Nghĩa Hòa trong Đại Lộc, sôi nổi biết bao thân sĩ, vì dân bào mà chịu phận thiệt thòi.

Xương dân quyền Quý Cáp với Châu Trinh, chứa chan một tấm nhiệt thành, vì tổ quốc mà đem thân gánh vác.

Nào những thưở Duy Tân xướng nghĩa, đem tính mệnh đền ơn Minh Chúa, Trần Cao Vân khảng khái dưới gươm đao.

Nào những lúc Yên Bái đồ mưu, lầy đầu lâu mà trả nợ quốc dân, Nguyễn Thái Học thung dung trên đỉnh hoạt.

Cổ Am nọ là huyết sào Quốc Đảng, lá trung can đốt cháy dưới than hồng.

Côn Lôn kia là địa ngục dương gian, đóng hiệp cốt lầy vùi trên bãi cát.

Chồng trước mặt quỷ cương quyền lên án, công chẳng có, tội đành phải có, tội vì nước, tội vì dân, tội vì giang san xã tắc, phận cô thân bao quản nỗi trầm oan.

Nặng trên đầu thân Công Lý cầm cân, sống như không mà chết cũng như không, chết vì gươm, chết vì súng, chết vì lam chướng ba đào, hồn chiến sĩ biết đâu miền mệnh mạt.

Ôi! Bên mồ trung nghĩa, gió thổi lạnh lòng,

Giọt máu oan cừu, mây tuôn man mác.

Chết đã thiệt, sống biết làm sao được, cũng tai, cũng mắt, cũng mặt, cũng mày, cũng can trường tâm huyết, lệ Tân Đình khô ráo giọng quyền.

Trước đã qua, sau dù có thế nào, này cỏ, này cây, này non, này nước, này thành quách nhân dân, trắng Hoa Biểu mơ màng bóng hạc.

Lẽ tuân hoàn trời đất há vô tình,

Vòng đào thái bể dâu đầu đã chắc.

Trận Âu Chiến dùng dùng sấm dậy, thành Ba Lê một phút tan tành. Hội Á Liên cuộn cuộn sóng tràn, vùng quần đảo bốn bề rân rác.

Cơ luân chuyển khéo vào năm Ất Dậu, cuộc hưng vong thay đổi bằng hai lần.

Việc binh cơ vẫn nhờ sức Hoàng quân, cờ báo thiệp lệ làng trong một lát.

Ách kiếm tóa thoát ngay người Pháp, mối sơn hà đất cũ gồm thân.

Quyền chủ trương trả lại vua ta, vàng nhật nguyệt trời Nam vắng vạc.

Reo mừng một tiếng, miền Bắc miền Nam,

Thỏa hận nghìn thu, phần hồn phần xác.

Đành có kẻ vận thù quyết sách, phá tan quân địch, khác nào như trúc chẻ ngói tan.

Nhưng trong lúc xung đột giao phong, gắm lại quân ta, cũng chẳng khỏi tên bay đạn lạc.

Cảm tạ bấy quân nhân Nhật Bản, giúp lân quốc cũng hết lòng như Tổ quốc, tuốt gươm ra mà thí mạng lẫn nhào.

Ngậm ngùi thay binh sĩ Việt Nam, vì đồng cừu mà ra sức với đồng bào, châu súng lại quyết liều thân xô sát.

Phận anh hùng đâu không quản sống còn,

Lòng quốc sĩ lẽ nào quên báo đáp.

Mùi tân khổ xưa cùng nếm trải, muôn thuở tao phùng một hội, buồn chung buồn, sao vui chẳng chung vui?

Mối oan cừu nay đã sạch sành, ba lính thỏa thích mười nguyên sống phận sống, mà thác đành phận thác.

Anh em đồng bào ta!

Nhân ngày quốc khánh, hoa nở tung bùng,

Đứng trước tiêm linh, hương bay ngào ngạt.

Đem tiểu sử cá nhân ôn lại, kể sao cho xiết, mấy hàng chữ máu vẫn chưa phai.

Treo bức tranh liệt sĩ dòm chung, vẽ mấy cho cùng, một tấm lòng son đầu để lạt.

Nên tự trị hiện nay còn xốc nổi, biết bao việc nông, việc học, việc công, việc thương, việc quốc gia xã hội, nặng hai vai nợ nước ơn vua.

Chữ đồng bào gắm lại vẫn đinh ninh, chẳng lựa là anh, là em, là cố cựu thân bằng, chung một giống con Hồng cháu Lạc.

Lòng ái quốc, kẻ mất còn cũng vậy, gọi chúng bạn trở về cố quận, dắt dìu nhau hợp lực đồng tâm.

Khí tự cường, người sống thác cũng là, khuyên anh em bước tới tiền đồ, gắng gổ lấy đồng lao cộng tác.

Thượng hưởng

HOÀI NAM NGUYỄN TRỌNG CẤN

phụng soạn